



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH

Ngày 31/12/2025	11,550 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.1%	-	-

DT thuần Q4/25
144
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.00 -1.3%
YoY: ▲33.0 29.8%

LN thuần Q4/25
-18.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲1.20 6.0%
YoY: ▼9.43 -99.6%

LN sau thuế Q4/25
-20.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲0.60 2.9%
YoY: ▼6.40 -47.1%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
-11.9%
YoY: +/- ▼27.7%

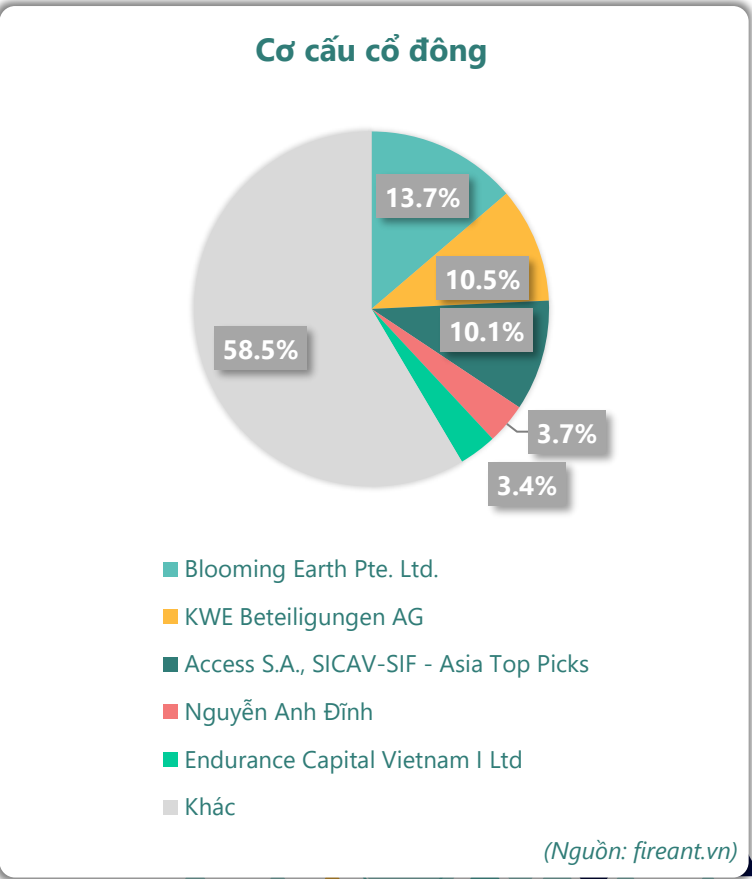
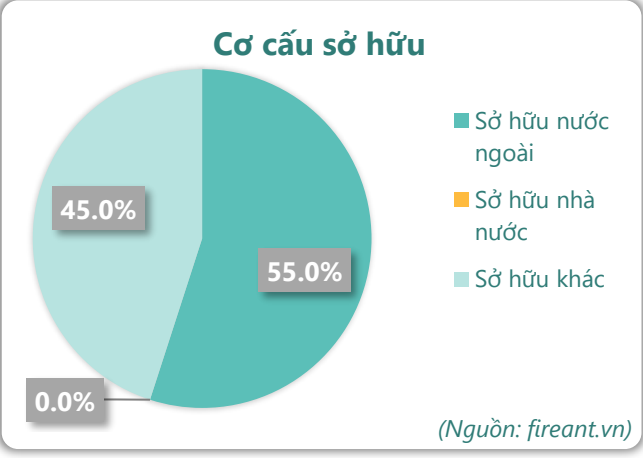
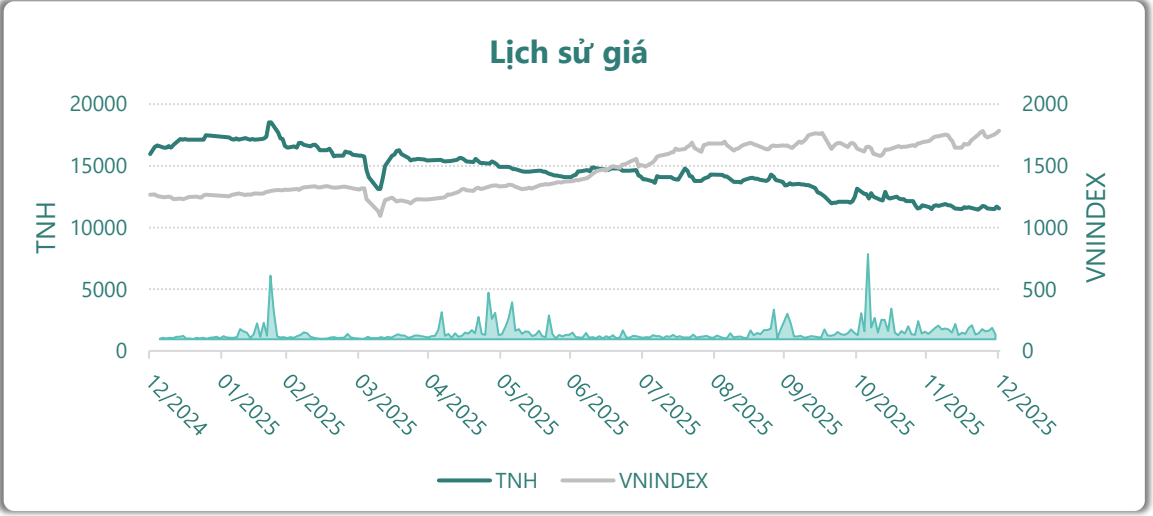
ROE 2025
-5.3%
YoY: +/- ▼7.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,450 - 18,522
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,914
Số lượng CPLH (CP)	165,751,943
KLGD BQ 20 phiên (CP)	124,910
Sở hữu nước ngoài	55.0%
Beta	0.40
EPS	-571
P/E	-20.2

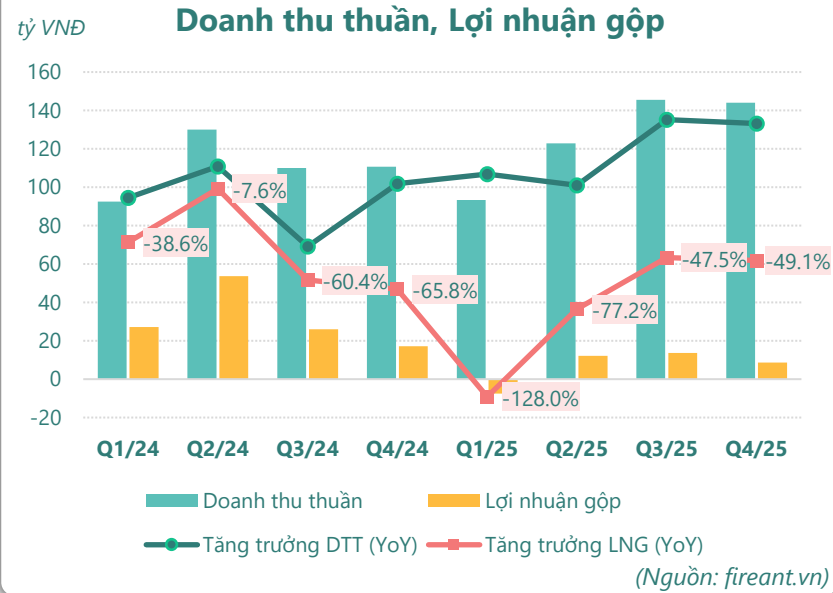
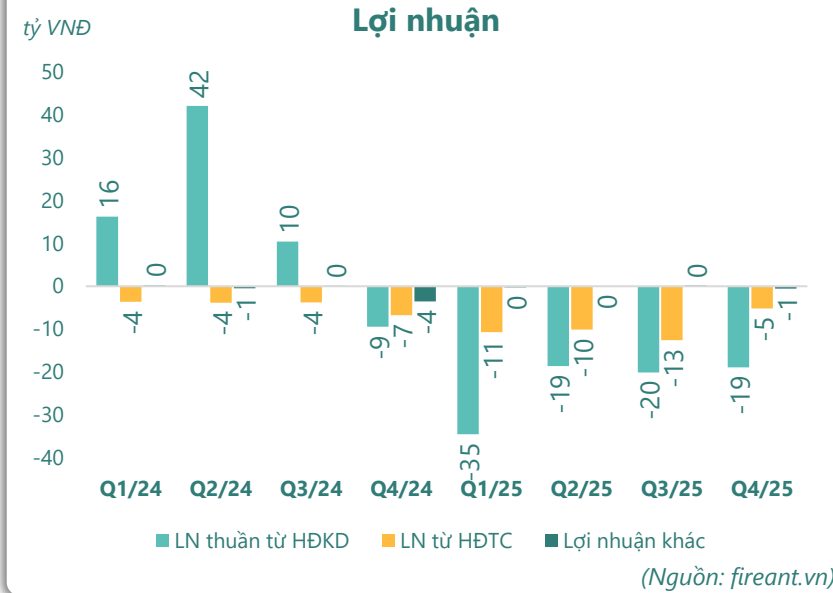
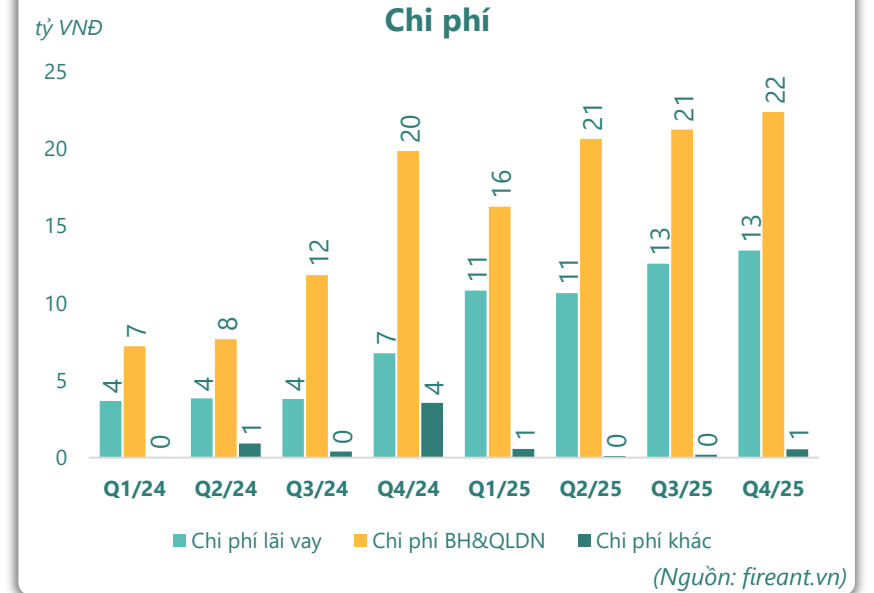
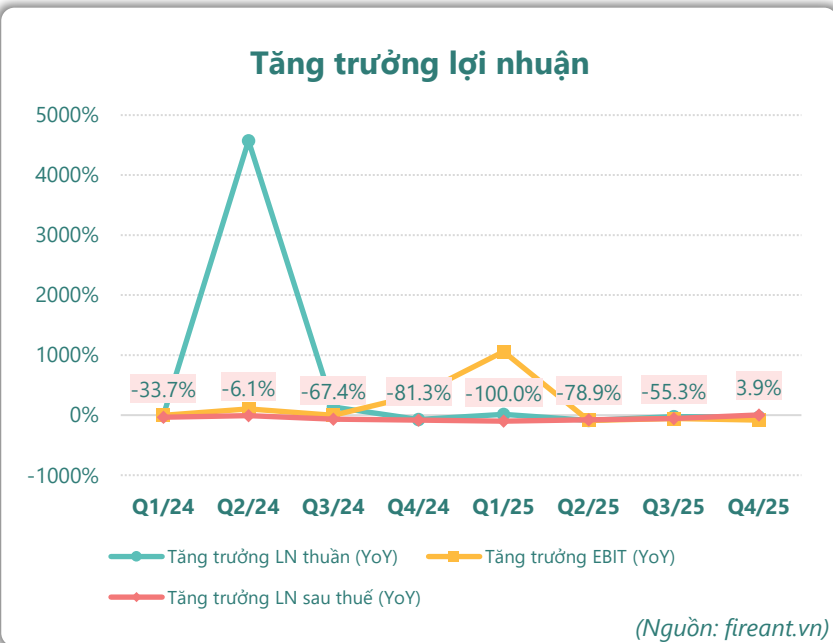
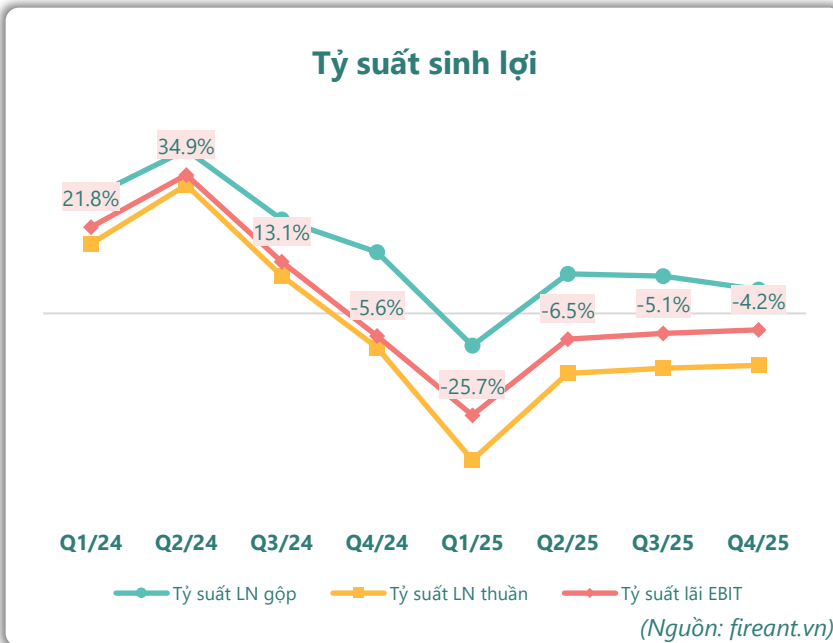
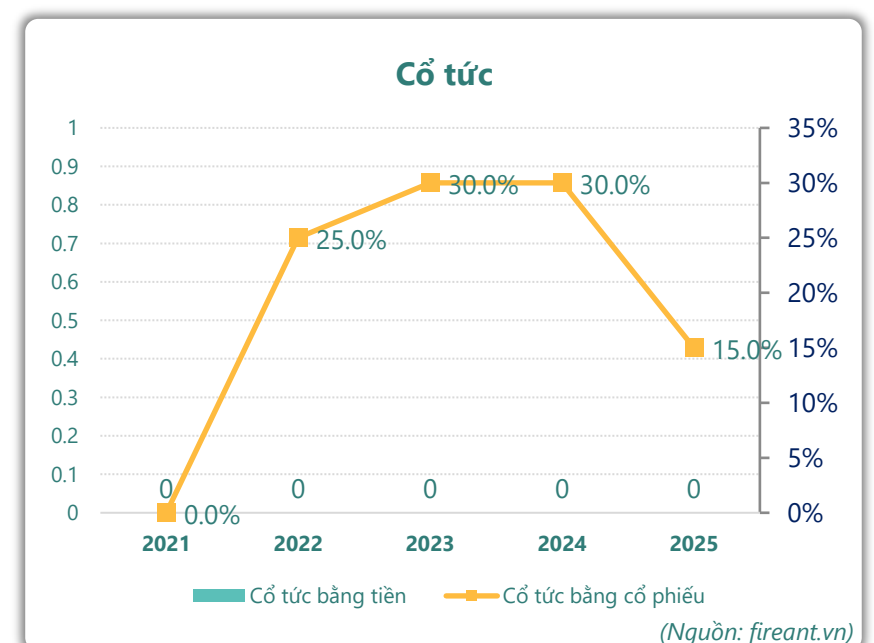
DT thuần 2025
493
tỷ VNĐ
YoY: ▲53.0 12.1%

LN thuần 2025
-92.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼148 -267%

LN sau thuế 2025
-94.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼140 -310%



KẾT QUẢ KINH DOANH

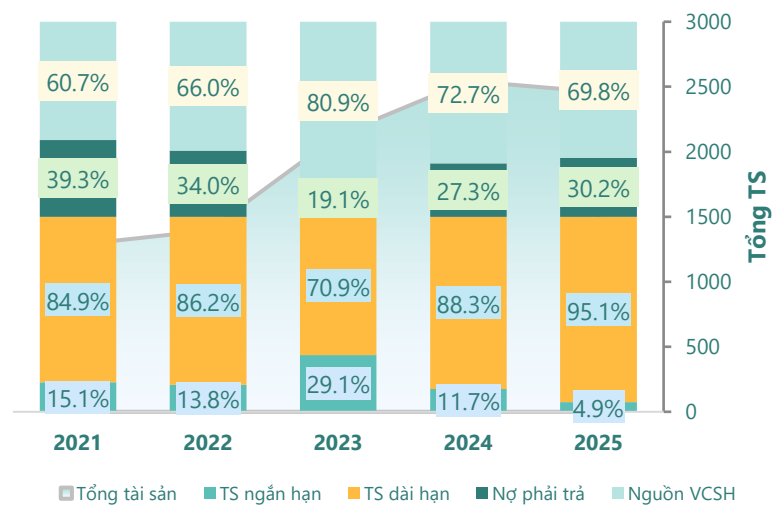




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

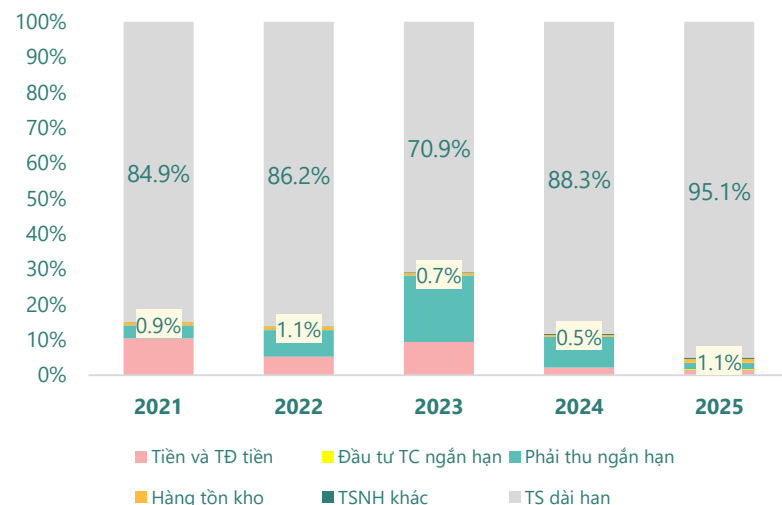
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

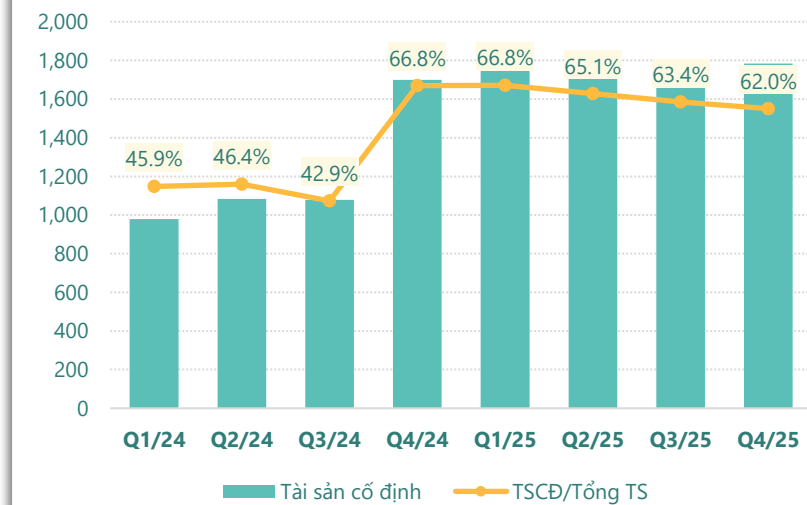
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

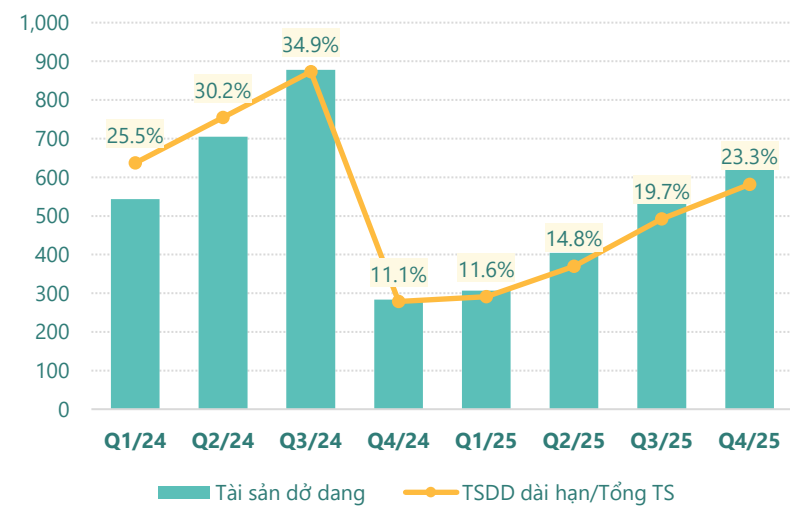
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

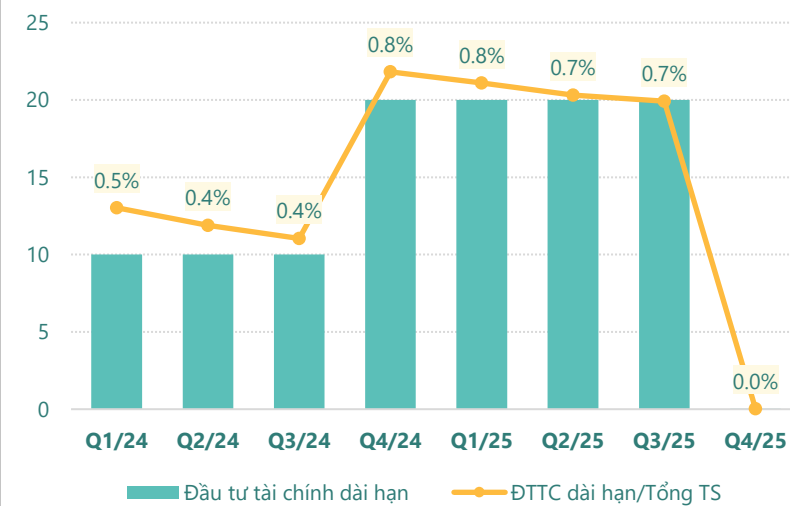
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

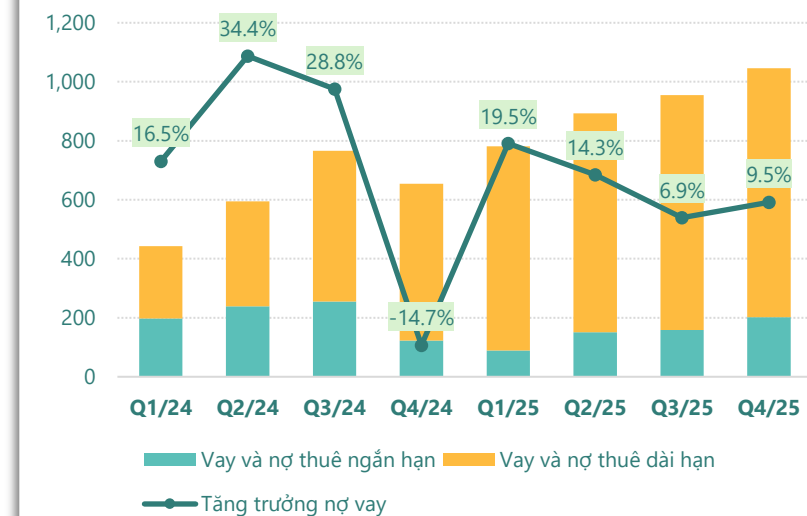
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

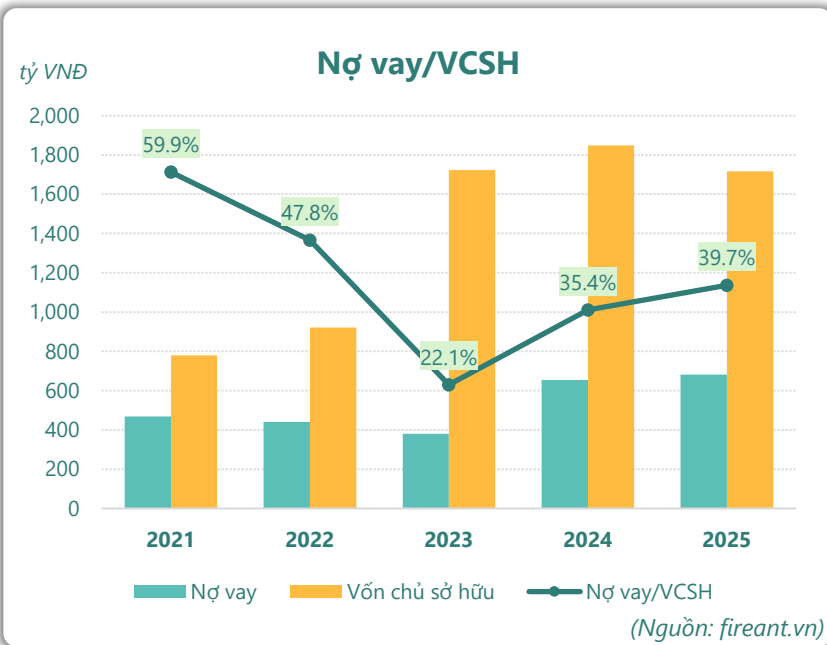
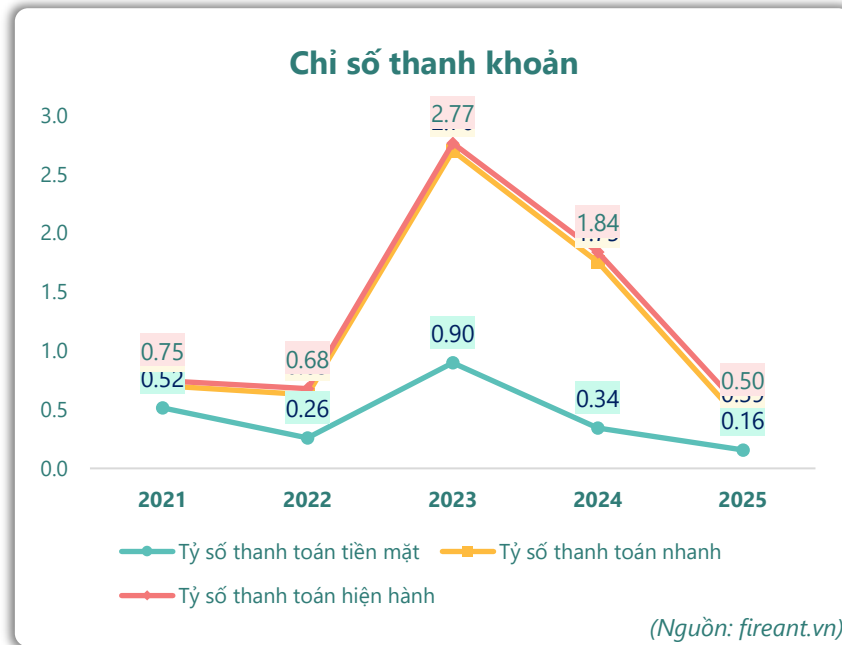
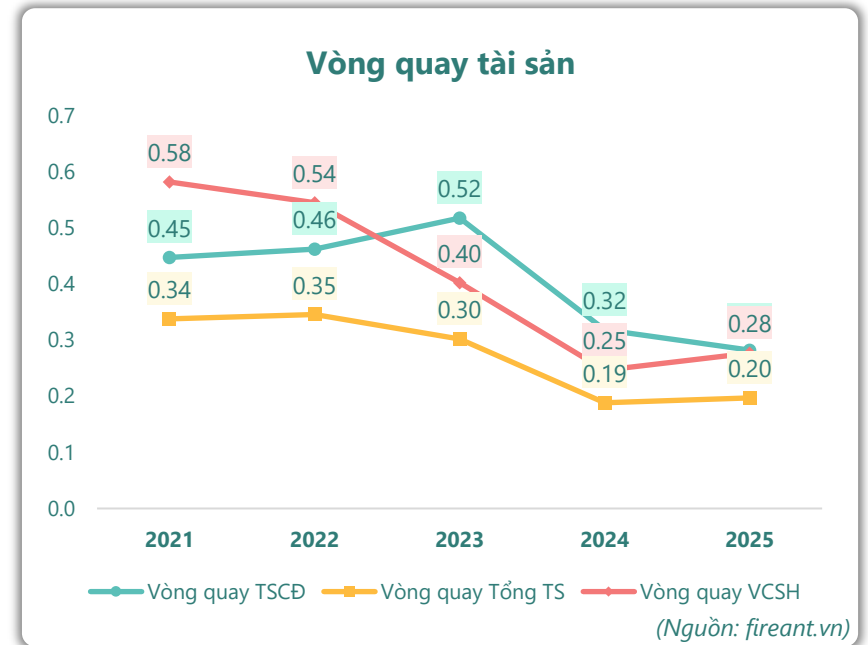
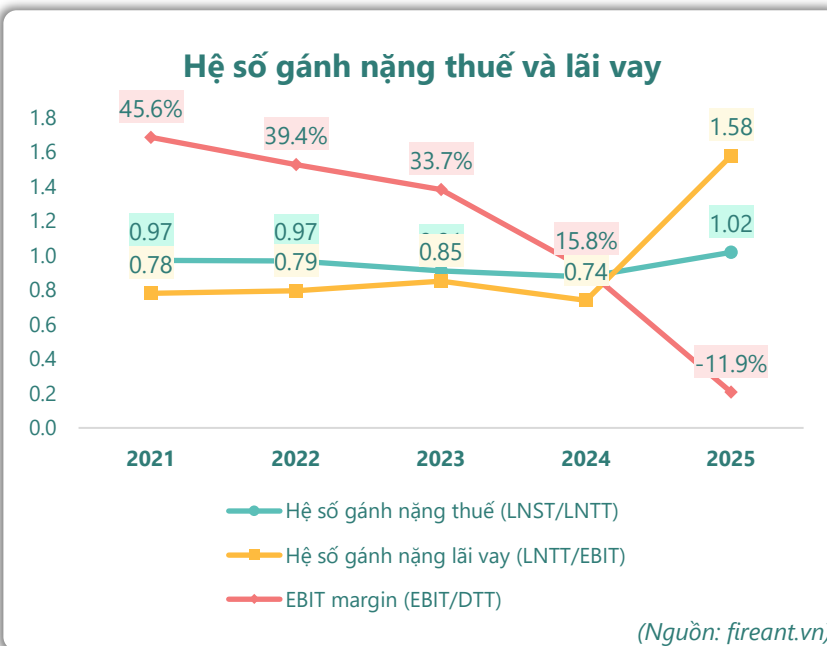
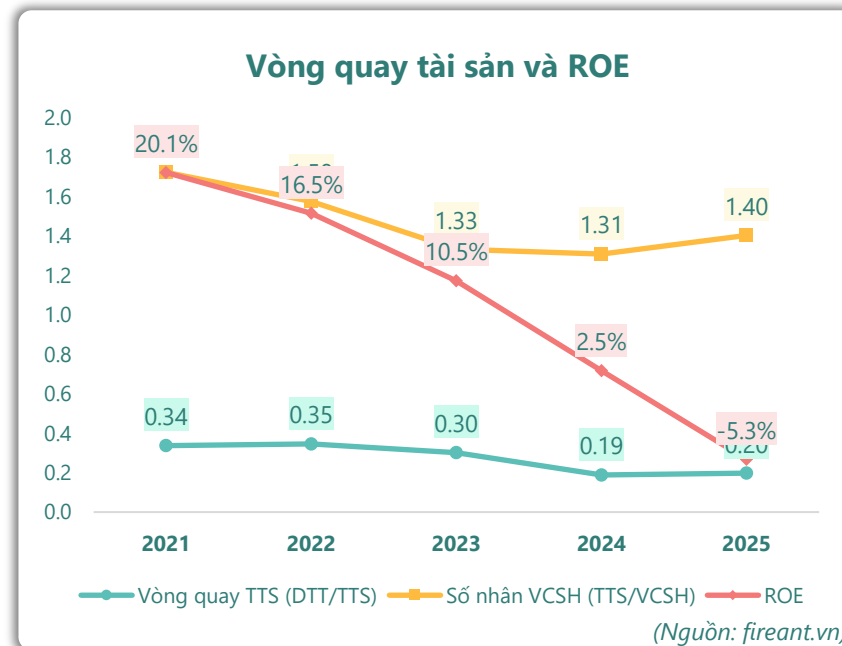
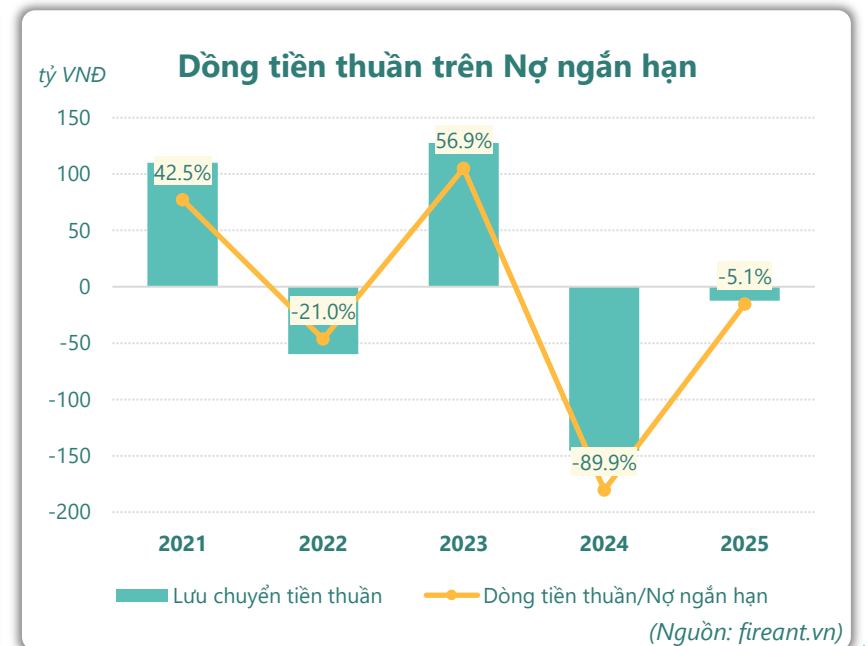
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	144	111	29.8%	493	440	12.1%
Giá vốn hàng bán	135	93.6	44.6%	467	319	46.3%
Lợi nhuận gộp	8.72	17.1	-49.0%	26.5	121	-78.1%
Doanh thu HĐTC	8.22	0.03	27294%	8.92	0.08	10917%
Chi phí TC	13.4	6.77	98.4%	47.5	18.1	163%
Chi phí lãi vay	13.4	6.77	98.4%	34.1	18.1	88.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.43	0.80	204%	7.09	3.02	135%
Chi phí QLDN	20.0	19.1	4.6%	73.0	44.8	63.0%
LN thuần từ HĐKD	-18.9	-9.47	-99.6%	-92.3	55.2	-267%
Lợi nhuận khác	-0.54	-3.54	84.8%	-0.68	-3.74	81.9%
LN trước thuế	-19.4	-13.0	-49.6%	-92.9	51.4	-281%
Lợi nhuận sau thuế	-20.0	-13.6	-47.1%	-94.7	45.1	-310%
LNST của CĐ cty mẹ	-19.9	-13.6	-46.7%	-94.7	45.3	-309%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.3	123	-62.5	-10.7	72.4	89.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-164	-154	-37.1	-142	-141	-162
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	171	39.7	127	111	62.1	89.9
Tiền đầu kỳ	21.5	47.3	55.6	83.3	42.4	36.1
Lưu chuyển tiền thuần	25.8	9.46	27.7	-40.9	-6.28	17.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.3	56.8	83.3	42.4	36.1	53.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,876	2,544	13.0%
Tài sản ngắn hạn	251	298	-15.7%
Tiền và tương đương tiền	53.7	55.6	-3.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	
Phải thu ngắn hạn	154	221	-30.1%
Hàng tồn kho	29.8	13.9	115%
Tài sản ngắn hạn khác	8.57	7.97	7.6%
Tài sản dài hạn	2,625	2,246	16.9%
Phải thu dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản cố định	1,783	1,760	1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	669	288	132%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.02	20.0	-99.9%
Tài sản dài hạn khác	76.5	81.9	-6.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,122	695	61.5%
Nợ ngắn hạn	278	162	71.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	202	121	67.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.6	24.1	114%
Nợ dài hạn	844	533	58.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	844	533	58.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,754	1,849	-5.1%
Vốn chủ sở hữu	1,754	1,849	-5.1%
Vốn điều lệ	1,658	1,442	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

